



Người ký: Văn phòng Ủy ban
nhân dân
Email:
vanthu.ubnd@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Thời gian ký: 24.11.2019
11:05:16 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số *285* /BC-UBND

Thái Nguyên, ngày *11* tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;
mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020**

Phần thứ nhất ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

I. Hoạt động chỉ đạo, điều hành

Năm 2019, kinh tế - xã hội trong nước tiếp tục chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, lãi suất ngân hàng được giữ ổn định. Hầu hết các ngành, lĩnh vực đều có kết quả tăng trưởng cao hơn cùng kỳ năm trước; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định.

Trên địa bàn, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của quần chúng nhân dân, đồng hành của các doanh nghiệp, doanh nhân; tiếp tục phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực triển khai và kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản phân công chỉ đạo điều hành và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các Sở, Ban, ngành tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình để tháo gỡ khó khăn vướng mắc, kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp như: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề án, công trình trọng điểm, các dự án đầu tư được ký kết trong và sau Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2018; kiểm soát giá cả hàng hóa, dịch vụ và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI)... tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tập trung nguồn lực cho thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Các chương trình, dự án lớn đã đi vào sản xuất ổn định, một số dự án đang được triển khai, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và thu ngân sách của tỉnh. An sinh và phúc lợi xã hội được bảo đảm; các chính sách xã hội được quan tâm, thực hiện đầy đủ, góp phần ổn định xã hội và cải thiện đời sống dân cư trên địa bàn.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

A. Các chỉ tiêu chủ yếu⁽¹⁾

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước đạt 9%, đạt kế hoạch đề ra.
2. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân đầu người ước đạt 83,5 triệu đồng, vượt kế hoạch đề ra.
3. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 743.800 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ, đạt kế hoạch đề ra.
4. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 27,63 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2018, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch là 27,57 tỷ USD).
5. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 15.000 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán. Trong đó, thu nội địa ước đạt 11.805 tỷ đồng, bằng 101,3% dự toán; thu xuất nhập khẩu ước đạt 3.145 tỷ đồng, bằng 94 % dự toán; thu quản lý qua ngân sách ước đạt 50 tỷ đồng.
6. Các chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản:
 - Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 so với năm 2018 là 4%, đạt kế hoạch đề ra.
 - Giá trị sản phẩm/1 ha đất nông nghiệp trồng trọt năm 2019 ước đạt 100 triệu đồng, vượt kế hoạch đề ra, tăng 3,8 triệu đồng so với năm 2018.
 - Sản lượng lương thực có hạt cả năm 2019 ước đạt 463,2 nghìn tấn, vượt 6% so với kế hoạch đề ra.
 - Diện tích trồng rừng mới tập trung toàn tỉnh đạt 5.321,7 ha, vượt 108,7% kế hoạch; trong đó, địa phương trồng rừng tập trung theo dự án bảo vệ và phát triển rừng bền vững năm 2019 đạt 2.554 ha, bằng 100,2% kế hoạch.
 - Diện tích trồng chè mới và trồng lại toàn tỉnh ước đạt 943 ha, vượt 25,7% kế hoạch.
 - Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới năm 2019 là 13 xã, đạt kế hoạch đề ra.
7. Nhóm chỉ tiêu xã hội:
 - Giảm tỷ suất sinh thô so với năm 2018 là 0,1 phần nghìn, đạt kế hoạch đề ra.
 - Số lao động được tạo việc làm mới tăng thêm toàn tỉnh ước đạt 21,5 nghìn lao động, vượt 43,3% kế hoạch (kế hoạch là 15 nghìn lao động).
 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68,6%, vượt kế hoạch (kế hoạch là 68%).

¹ Chi tiết về kết quả các chỉ tiêu chủ yếu theo Phụ lục đính kèm.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng là 10,6%, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm 2018, đạt kế hoạch (*kế hoạch là dưới 11,5%*).

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 2,01% so với năm 2018, vượt kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 96,1%, đạt kế hoạch (*kế hoạch là 96%*).

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế là 98,2%, đạt kế hoạch đề ra.

- Chỉ tiêu về văn hóa:

+ Gia đình đạt chuẩn văn hóa là 90%, đạt kế hoạch đề ra.

+ Xóm, làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa là trên 70%, đạt kế hoạch đề ra.

+ Cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa là trên 90%, đạt kế hoạch đề ra.

- Chỉ tiêu về giáo dục, đào tạo:

+ Số trường đạt chuẩn quốc gia là 560/680 trường, đạt tỷ lệ 82,35% (*về trước 02 năm so với chỉ tiêu Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh giao*).

+ Tỷ lệ số học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường dân tộc nội trú là 6,34%.

8. Các chỉ tiêu về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53%, đạt kế hoạch đề ra (*kế hoạch là trên 50%*);

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 93%, đạt kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh là 78,1%, đạt kế hoạch đề ra.

B. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực cụ thể như sau

1. Về lĩnh vực kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh năm 2019 ước tính tăng 9% so với năm 2018, đạt kế hoạch đề ra; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản tăng 3,48%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,94%, đóng góp 6,86 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm tăng 6,62%, đóng góp 1,78 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung. Với dự ước tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 9%, năm 2020 đạt 7,3% thì tính chung giai đoạn 2015-2020 sẽ đạt mức tăng trưởng bình quân trên 11%/năm, vượt mục tiêu Đại hội đề ra (*mục tiêu từ 10% trở lên*).

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2019, khu vực công nghiệp xây dựng chiếm tỷ trọng 58%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,3%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm tỷ trọng 31,7%.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân đầu người năm 2019 ước đạt 83,5 triệu đồng/người/năm (*tương đương 3.583 USD/người/năm*), tăng gần 6 triệu đồng/người so với năm 2018, vượt kế hoạch đề ra (*bình quân chung cả nước năm 2018 là 58,5 triệu đồng, tương đương 2.590 USD/người/năm*).

1.2. Về lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Dự ước giá trị sản xuất công nghiệp cả năm 2019 trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh năm 2010) đạt 743,80 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ, đạt kế hoạch đề ra. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 53 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, bằng 114% kế hoạch cả năm⁽²⁾; công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 690,82 nghìn tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ, bằng 99,1% kế hoạch cả năm. Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm 92,87%); công nghiệp trong nước chỉ chiếm tỷ trọng 7,13% (công nghiệp địa phương chiếm 4,04% và công nghiệp nhà nước Trung ương chiếm 3,09%).

Sản phẩm công nghiệp sản xuất ước tính cả năm 2019, nhóm sản phẩm tăng trên 8% so với cùng kỳ là: sản phẩm may đạt 84 triệu sản phẩm, tăng 12% cùng kỳ và bằng 116,8% kế hoạch; xi măng đạt 2,4 triệu tấn, tăng 16,4% cùng kỳ và bằng 100,5% kế hoạch; mạch điện tử tích hợp đạt 122 triệu sản phẩm, tăng 53,6% và bằng 135% kế hoạch; camera truyền hình đạt 64,2 triệu sản phẩm, tăng 36,9%; đá khai thác đạt 4,6 triệu m³, tăng 29%; thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 1.710 triệu sản phẩm, tăng 19%; điện thương phẩm đạt 5.145 triệu kwh, tăng 9,2% cùng kỳ và bằng 100,1% kế hoạch; điện sản xuất đạt 1.695 triệu kwh, tăng 8,2% cùng kỳ. Riêng nhóm sản phẩm điện thoại thông minh ước đạt 102,7 triệu sản phẩm, tăng 8,3% so với cùng kỳ, bằng 105,8% kế hoạch (là nhóm sản phẩm chủ đạo đóng góp lớn vào tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp chung trên địa bàn); trong đó, nhóm điện thoại có giá từ 3 đến dưới 6 triệu đồng/1 sản phẩm ước đạt 27,7 triệu sản phẩm, tăng 21,6% so với cùng kỳ; nhóm điện thoại có giá từ 6 triệu đồng trở lên/1 sản phẩm ước đạt 29,6 triệu sản phẩm, tăng 25,8% so với cùng kỳ.

Với kết quả sản xuất công nghiệp 3 năm 2016-2018, dự ước năm 2019 tăng 11,5% và kế hoạch năm 2020 tăng 8% thì giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2015 - 2020 sẽ tăng 16,3%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh đề ra (mục tiêu là 15%).

1.3. Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản cả năm 2019 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 13,54 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ, đạt kế hoạch đề ra; trong đó, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ước đạt 12,57 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ (ngành trồng trọt tăng 2,8% vượt so với mức 1,8% của kế hoạch đề ra; ngành chăn nuôi tăng 1,7%, chưa đạt mức tăng 4,1% của kế hoạch đề ra, dịch vụ nông nghiệp tăng 15%); giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp là 510 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất ngành thủy sản là 461 tỷ đồng, tăng 15,4% so với cùng kỳ.

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 115 nghìn ha, giảm 0,9% so với năm 2018 (vụ Đông Xuân đạt 61,5 nghìn ha, giảm 0,9% so với

² Bao gồm: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp địa phương là 30,03 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% so với cùng kỳ, bằng 105,8% kế hoạch; công nghiệp nhà nước Trung ương đạt 22,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ, bằng 127,1% kế hoạch.

cùng kỳ; vụ Mùa đạt 53,5 nghìn ha, giảm 0,9% so với cùng kỳ)⁽³⁾. Tính riêng cây lúa, năm 2019 toàn tỉnh gieo cấy được 70,1 nghìn ha, trong đó vụ Đông Xuân gieo cấy được 30 nghìn ha, vụ Mùa gieo cấy được 40,1 nghìn ha, cả hai vụ đều giảm khoảng 0,8% so với cùng kỳ; năng suất lúa cả năm 2019 đạt 54,77 tạ/ha, tăng nhẹ so với năm 2018, sản lượng lúa cả năm ước đạt 384 nghìn tấn, bằng 105,6% kế hoạch. Sản lượng lương thực có hạt cả năm 2019 ước đạt 463,2 nghìn tấn, vượt 6% so với kế hoạch đề ra. Tổng diện tích chè ước đạt 22.311 ha, tăng 1,3% so với cùng kỳ; trong đó, diện tích chè cho sản phẩm là 20.200 ha, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Diện tích chè trồng mới và trồng lại toàn tỉnh cả năm 2019 ước đạt 943 ha, bằng 125,7% kế hoạch.

- Chăn nuôi: Năm 2019, trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do xuất hiện dịch Lở mồm long móng và Dịch tả lợn Châu phi, làm ảnh hưởng nhiều đến đời sống của người chăn nuôi.

+ Bệnh Lở mồm long móng: Trên đàn lợn bệnh lở mồm long móng đã xuất hiện trên địa bàn tỉnh từ đầu tháng 12/2018 đến cuối tháng 02/2019 tại 8/9 địa phương (riêng huyện Đại Từ không có lợn mắc bệnh) với tổng số lợn mắc bệnh buộc tiêu hủy là 894 con. Ngành chức năng và các địa phương đã thực hiện tiêu hủy toàn bộ gia súc mắc bệnh lở mồm long móng và thực hiện tiêm phòng đầy đủ tại các xã có ổ dịch.

+ Tình hình bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: Kể từ ngày 05/3/2019 khi mới phát hiện ổ dịch đến ngày 21/11/2019, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã phát hiện tại 175 xã, phường, thị trấn trên địa bàn 09 huyện, thành phố, thị xã; tổng số lợn buộc tiêu hủy là 158.748 con, trọng lượng trên 9,25 nghìn tấn của 17.190 hộ thuộc 2.250 thôn, xóm. Tình hình dịch bệnh từ đầu tháng 10/2019 đến nay có chiều hướng giảm rõ rệt về số lượng lợn mắc bệnh buộc phải tiêu hủy qua các ngày⁽⁴⁾; có 146/175 xã, phường, thị trấn đã qua 30 ngày không có lợn mắc bệnh, chết, tiêu hủy. Tính đến ngày 30/10/2019, tổng số kinh phí chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh là 325.594.611.451 đồng (cấp tỉnh là 17.319.084.000 đồng, cấp huyện là 308.275.527.451 đồng)⁽⁵⁾. Ngành chức năng, các địa phương đã tích cực triển khai các biện pháp chống dịch; tăng cường công tác giám sát, lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm xác minh dịch; duy trì hoạt động của các chốt kiểm dịch và đội kiểm tra liên ngành; triển khai khử trùng tiêu độc...

+ Giá bán sản phẩm chăn nuôi: Do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi lây lan nhanh trên 9/9 huyện, thành phố, thị xã nên thị trường tiêu thụ lợn bị ảnh hưởng, công tác tái đàn bị ảnh hưởng. Giá lợn hơi quý II/2019 giảm mạnh; từ Quý III/2019 tính đến tháng 10/2019 giá lợn hơi tăng mạnh, hiện nay giá thịt lợn hơi

³ Trong đó, cây lương thực có hạt (cây lúa và cây ngô) là cây trồng chủ lực, diện tích đạt 87 nghìn ha (chiếm 75,7% tổng số), giảm 1% so với cùng kỳ; cây rau các loại đạt 13,9 nghìn ha, tăng 2% so với cùng kỳ. Còn các cây trồng khác diện tích nhỏ lẻ và nhìn chung đều giảm so với cùng kỳ như: cây khoai lang đạt 3,5 nghìn ha, giảm 4% (-144 ha); cây đỗ tương đạt 679 ha, giảm 42 ha (-5,8%); cây lạc đạt 3,4 nghìn ha, giảm 3,8%...

⁴ Cụ thể, vào thời kỳ cuối tháng 7 đầu tháng 8, có thời điểm cao nhất tiêu hủy trên 2.000 con/ngày (trung bình khoảng 1.000 con/ngày); trong tháng 10 là 18 con/ngày và từ ngày 01/11/2019 đến nay tiêu hủy rải rác ở một số địa phương (khoảng 5-10 con/ngày, có nhiều ngày không phát hiện lợn mắc bệnh, ốm chết). Đặc biệt đến nay tại một số địa phương như Phú Bình, Phò Yên, Đông Hỷ, Phú Lương, Đại Từ, thành phố Thái Nguyên không phát hiện lợn ốm, mắc bệnh.

⁵ Số kinh phí đã thực hiện giải ngân là 103.806.144.400 đồng, trong đó, cấp tỉnh đã giải ngân là 16.221.084.000 đồng, cấp huyện đã giải ngân là 87.585.060.400 đồng.

bình quân khoảng 60 nghìn đồng/kg (*tăng gấp 1,5 lần so với tháng 6/2019*) do nguồn cung giảm mạnh; giá lợn giống bình quân khoảng 75 nghìn/kg, tăng 30,7% so với tháng trước (*tháng 9/2019*).

+ Dự tính năm 2019: Đàn trâu khoảng 52 nghìn con, tăng 0,1% so với cùng kỳ; đàn bò khoảng 43,3 nghìn con, tăng 2,5% so với cùng kỳ; đàn lợn khoảng 520,6 nghìn con, giảm 26% so với cùng kỳ, đạt 75,4% kế hoạch do Dịch tả lợn Châu Phi; đàn gà 12,8 triệu con, vượt khoảng 7% kế hoạch, tăng 19,6% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm ước đạt 142,3 nghìn tấn, giảm 4,7% so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng thịt lợn hơi là 87,8 nghìn tấn, giảm 14,5% so với cùng kỳ; sản lượng gia cầm khoảng 47,5 nghìn tấn, tăng 18,7% so với cùng kỳ.

- *Lâm nghiệp*: Diện tích trồng rừng mới tập trung toàn tỉnh đạt 5.321,7 ha, bằng 89,5% so với năm 2018, vượt 108,7% kế hoạch; trong đó, địa phương trồng rừng tập trung theo dự án bảo vệ và phát triển rừng bền vững năm 2019 đạt 2.554 ha, bằng 100,2% kế hoạch. Ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, đã chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng; tham gia diễn tập chữa cháy rừng. Trong 10 tháng, trên địa bàn không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

- *Thủy sản*: Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 5.923 ha, tăng 0,6% so cùng kỳ, bằng 95,5% kế hoạch; trong đó diện tích nuôi cá đạt 5.823 ha; diện tích ương nuôi giống thủy sản đạt 100 ha. Sản xuất được 550 triệu cá bột, 54 triệu cá giống các loại. Dự ước sản lượng thủy sản cả năm ước đạt khoảng 14 nghìn tấn, bằng 105,3% kế hoạch, tăng 15,7% so với cùng kỳ.

- *Công tác phòng, chống thiên tai*: Trong 10 tháng năm 2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 12 đợt mưa lớn kèm theo gió lốc, sét (*làm 07 người chết, 08 người bị thương*); nhiều nhà, tài sản, hoa màu, công trình xây dựng bị đổ sập, hư hỏng, ngập úng (*ước tính thiệt hại về tài sản trên 94 tỷ đồng*). Ngay sau khi thiên tai xảy ra, lãnh đạo UBND, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ban, ngành cùng cấp ủy, chính quyền các địa phương chủ động phối hợp, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời thăm hỏi, động viên các gia đình có người chết, người bị thương, hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra và hỗ trợ kinh phí giúp các hộ gia đình bị thiệt hại sớm ổn định cuộc sống và sản xuất.

1.4. Về thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới được cấp ủy, chính quyền các cấp tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, tiến độ. Tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020 để đánh giá những kết quả đã đạt được, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho những năm tiếp theo. Tính đến hết tháng 10/2019, trên địa bàn tỉnh có 91 xã đạt 19/19 tiêu chí; trong đó có 88 xã (61,5%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới⁶ (*tăng 48 xã so với năm 2015*). Bình quân 16,5 tiêu chí/xã (*tăng 11,65 tiêu chí so với năm 2010 và tăng 03 tiêu chí so với năm 2015*), không còn xã dưới 06 tiêu chí (*năm 2010 có 85 xã dưới 06 tiêu chí*). Có 3/9 đơn vị cấp huyện (33,33%) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (*thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị*

⁶ Bao gồm 04 xã đã chuyển thành phường, thị trấn; 32 xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã giai đoạn 2017-2020.

xã Phổ Yên). Dự ước năm 2019, có 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 101 (bằng 70,6%), hoàn thành mục tiêu Đại hội đề ra. Có 02 xã (Xã Vinh Sơn, thành phố Sông Công và xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên) đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu; 12 xóm được công nhận đạt chuẩn xóm nông thôn mới kiểu mẫu.

Năm 2019, toàn tỉnh đã huy động được trên 2.604 tỷ đồng cho xây dựng nông thôn mới⁽⁷⁾. Hỗ trợ 18,93 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 cho 31 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Ban hành Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025 và tổ chức đánh giá, xếp hạng được 25 sản phẩm OCOP đạt từ 3-4 sao...

1.5. Về thương mại, dịch vụ

- *Xuất khẩu*: Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2019 ước đạt 27,6 tỷ USD, tăng 11,2% so cùng kỳ, đạt 100,2% kế hoạch; trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 27,1 tỷ USD (chiếm 98% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 10,9% so với cùng kỳ; xuất khẩu địa phương là 558,8 triệu USD, tăng 30% so với cùng kỳ, đạt 93,1% kế hoạch.

Nhóm mặt hàng xuất khẩu năm 2019 chiếm tỷ trọng lớn là nhóm mặt hàng điện tử, điện thoại các loại ước đạt 26,8 tỷ USD (chiếm 97,3% tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn), tăng 11,2% so với cùng kỳ, bằng 109,5% kế hoạch⁽⁸⁾. Nhóm mặt hàng đạt tốc độ xuất khẩu tăng cao, đóng góp vào tốc độ tăng của xuất khẩu địa phương là sản phẩm may ước đạt 395,5 triệu USD, tăng 27,6% so với cùng kỳ; sản phẩm từ sắt thép đạt 83,6 triệu USD, tăng 40,3% so với cùng kỳ; phụ tùng vận tải đạt 7,6 triệu USD, tăng 56,7% so với cùng kỳ...⁽⁹⁾

- *Nhập khẩu*: Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn năm 2019 ước đạt 15,7 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 254,6 triệu USD (chiếm 1,6% tổng giá trị nhập khẩu), giảm 9,8% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 15,4 tỷ USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ (chiếm tỷ trọng 98,4% tổng giá trị nhập khẩu).

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu tăng từ 8% trở lên so với cùng kỳ là: nhóm nguyên liệu và linh kiện điện tử nhập khẩu khoảng 15,1 tỷ USD (chiếm 96,1% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 8,5%; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc 49,2 triệu USD, tăng 45,8%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 136,1 triệu USD, tăng 24,3%; giấy các loại 6,3 triệu USD, tăng 19,3%; vải và nguyên, phụ liệu dệt may 171,3 triệu USD, tăng 15,4%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu 143,4 triệu USD, tăng 11%...⁽¹⁰⁾

⁷ Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn tiếp tục được đầu tư và phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển sản xuất; các địa phương đã triển khai xây dựng được trên 345 km đường bê tông nông thôn; 36 km kênh mương thủy lợi; xây mới, sửa chữa 17 công trình nhà lớp học; xây mới, nâng cấp 05 nhà văn hóa và 07 khu thể thao xã, 84 nhà văn hóa xóm;...

⁸ Trong đó, điện thoại thông minh và máy tính bảng xuất khẩu khoảng 120 triệu cái với giá trị 22,3 tỷ USD, tăng 14,3% về lượng và tăng 16,8% về giá trị, vượt 4,7% kế hoạch; linh kiện điện tử và sản phẩm điện tử khác đạt 4,5 tỷ USD, giảm 10,3% so với cùng kỳ nhưng vượt 41,4% kế hoạch.

⁹ Nhóm mặt hàng xuất khẩu giảm so với năm 2018 do giá xuất khẩu giảm, không tiêu thụ được như: kim loại màu và tinh quặng kim loại màu 255,2 triệu USD, giảm 11% so với cùng kỳ; chè các loại 1,4 nghìn tấn với giá trị xuất khẩu 2,2 triệu USD, giảm 26% về lượng, giảm 27% về giá trị xuất khẩu, bằng 28,4% kế hoạch cả năm về số lượng xuất khẩu...

¹⁰ Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu giảm so với cùng kỳ là sản phẩm từ sắt thép ước đạt 39 triệu USD, giảm 53,3%; sắt thép các loại đạt 6,2 triệu USD, giảm 70% (do năm 2019 không nhập khẩu thép phế liệu và thép thành phẩm).

- *Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội* trên địa bàn tỉnh năm 2019 ước đạt 37,4 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2018. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt gần 2 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 35,2 nghìn tỷ đồng (*chiếm tỷ trọng 94,1% tổng mức bán lẻ*), tăng 13%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 211 tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm 2018.

Trong cơ cấu doanh thu bán lẻ, tất cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng năm 2019 đều tăng. Nhóm mặt hàng đạt doanh thu bán lẻ lớn nhất là nhóm lương thực, thực phẩm ước đạt 9.600 tỷ đồng (*chiếm 32,8% doanh thu bán lẻ*), tăng 15% so với cùng kỳ; tiếp đến là nhóm xăng dầu các loại đạt ước 3.470 tỷ đồng (*chiếm 11,8%*), tăng 14% so với cùng kỳ; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình ước đạt 3.315 tỷ đồng (*chiếm 11,3%*), tăng 13,7% so với cùng kỳ; mặt hàng ô tô các loại doanh thu ước đạt 3.035 tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kỳ; nhóm hàng may mặc ước đạt 2.275 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ...

- *Chỉ số giá tiêu dùng* bình quân 10 tháng đầu năm 2019 tăng 1,96% so với bình quân cùng kỳ (*thấp hơn mức tăng 2,48% của bình quân chung cả nước*), trong đó, nhóm hàng hóa tăng 0,65% và nhóm dịch vụ tăng 7,64%.

1.6. Hoạt động tài chính, tín dụng

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 15.000 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán. Trong đó, thu nội địa ước đạt 11.805 tỷ đồng, bằng 101,3% dự toán; thu xuất nhập khẩu ước đạt 3.145 tỷ đồng, bằng 94 % dự toán; thu quản lý qua ngân sách ước đạt 50 tỷ đồng.

- Chi ngân sách năm 2019 ước đạt 14.934 tỷ đồng, bằng 104% dự toán năm. trong đó chi cân đối ngân sách địa phương khoảng 13,7 nghìn tỷ đồng (*chi đầu tư phát triển chiếm 28,8%; chi thường xuyên chiếm 71,2%*); chi chương trình mục tiêu quốc gia ước đạt 1.240,3 tỷ đồng, bằng 100% dự toán cả năm¹¹).

- **Hoạt động ngân hàng:** Kịp thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện có hiệu quả các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2019 theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Ngày 16/8/2019, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn đã thực hiện mở rộng tín dụng đi đôi với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên. Triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và người dân tiếp cận vốn.

Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (*không bao gồm Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên*) tính đến 22/10/2019 đạt 64.100 tỷ đồng, tăng 18,73% so với 31/12/2018. Ước đến 31/12/2019, nguồn vốn huy động đạt 65.500 tỷ đồng, tăng 21,32 % so với 31/12/2018.

¹¹ Chi tiết về thu, chi ngân sách có báo cáo riêng.

Dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên) đến 22/10/2019 đạt 55.500 tỷ đồng, tăng 9,97% so với 31/12/2018. Ước đến 31/12/2019, dư nợ cho vay đạt 57.000 tỷ đồng, tăng 12,94% so với 31/12/2018. Nợ xấu là 614 tỷ đồng, chiếm 1,1%/tổng dư nợ.

1.7. Về thu hút vốn đầu tư, phát triển doanh nghiệp

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn năm 2019 ước đạt 40,4 nghìn tỷ đồng, bằng 88,2% so với cùng kỳ. Lũy kế bốn năm (từ năm 2016 đến hết năm 2019) tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh đạt gần 200 nghìn tỷ đồng (bình quân đạt 50 nghìn tỷ đồng/năm), vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra cho cả giai đoạn 2016-2020 là 128 nghìn tỷ đồng.

- Tính từ đầu năm đến hết tháng 10/2019 toàn tỉnh cấp mới đăng ký kinh doanh cho 616 doanh nghiệp (tăng 2,5% so với cùng kỳ), với số vốn đăng ký là 5,7 nghìn tỷ đồng (tăng 56,2% so với cùng kỳ). Trong năm, có 601 doanh nghiệp đóng mã số thuế và 263 doanh nghiệp ngừng hoạt động; 139 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động đã hoạt động trở lại; nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động của toàn tỉnh lên 6.838 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký 87.237 tỷ đồng.

- Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài: Trong 10 tháng năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 17 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới với tổng vốn đầu tư đăng ký là 352,8 triệu USD; trong đó, có 15 dự án trong khu công nghiệp và 02 dự án ngoài khu công nghiệp. So với cùng kỳ số dự án FDI cấp phép mới tăng 8 dự án và vốn đăng ký tăng 319,7 triệu USD. Lũy kế đến cuối tháng 10/2019, trên địa bàn tỉnh hiện có 143 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đạt 8.031,8 triệu USD (tương đương khoảng 187 nghìn tỷ đồng), trong đó vốn giải ngân đạt trên 90%.

Từ sau Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2018, hiện có 43 nhà đầu tư đang triển khai 61 dự án với tổng số vốn đăng ký thực hiện là 115.545 tỷ đồng¹². Tỉnh đã tích cực chỉ đạo các Sở, ngành tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính nhanh nhất theo quy định, đồng hành với nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ thường xuyên đối thoại, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đề ra các giải pháp đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa các dự án đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đến nay đã có 27/61 dự án (đạt 44,3%) đã hoàn thành thủ tục về đầu tư (như: Quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định giao chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu); 34/61 dự án đang trong giai đoạn đề xuất, nghiên cứu, hoàn thiện các thủ tục về đầu tư. Các công trình, dự án lớn, trọng điểm của nhiệm kỳ tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

¹² Thuộc 6 lĩnh vực chủ yếu: Công nghiệp 16 dự án; nông nghiệp 03 dự án; siêu thị, thương mại, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, văn hóa - thể thao 15 dự án; hạ tầng đô thị và giao thông 19 dự án; y tế, giáo dục, công nghệ thông tin 04 dự án; xử lý rác thải và nghỉ dưỡng 04 dự án.

1.8. Về Quy hoạch, xây dựng

Công tác quy hoạch, nâng cấp đô thị được quan tâm thực hiện, trong đó trọng tâm là thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên. Hệ thống đô thị toàn tỉnh từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, tổng số đô thị toàn tỉnh là 12 đô thị, trong đó loại I là 01 đô thị, loại III là 02 đô thị, loại IV là 1 đô thị, loại V là 08 đô thị⁽¹³⁾. Đang thực hiện các thủ tục để công nhận thành phố Sông Công là đô thị loại II và thành lập đô thị Hóa Thượng - huyện Đồng Hỷ, Diềm Thụy - huyện Phú Bình là đô thị loại V, trong thời gian tới dự kiến thành lập các đô thị Yên Lãng và Cù Vân - huyện Đại Từ, Trung Hội - huyện Định Hóa, Quang Sơn - huyện Đồng Hỷ và La Hiên huyện Võ Nhai, nâng tổng số đô thị tỉnh Thái Nguyên lên thành 18 đô thị. Diện mạo các đô thị trong tỉnh như thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên và các đô thị trung tâm các huyện có sự thay đổi mạnh mẽ, xanh - sạch - đẹp, ngày càng khang trang, văn minh, hiện đại. Tỷ lệ đô thị hóa là 32,06%.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng năm 2019 trên địa bàn đạt khoảng 22,8 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2018; trong đó, đơn vị xây dựng có vốn trong nước thực hiện khoảng 20 nghìn tỷ đồng (chiếm 87,5% tổng số), tăng 10%; còn lại là do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện ước đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, tăng 30,3% so cùng kỳ.

1.9. Về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Việc thực hiện các thủ tục giao đất, thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh, chuyển mục đích sử dụng đất cơ bản được thực hiện đúng quy trình, quy định. Tổ chức tốt việc giao đất cho các dự án thông qua đấu giá theo đúng quy định của pháp luật. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, đất đai và bảo vệ môi trường tiếp tục được quan tâm chỉ đạo đảm bảo đúng quy định của pháp luật. UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp huyện đối với 09 huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm, ngành chức năng tiếp nhận và giải quyết 135 hồ sơ của tổ chức xin cấp đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích xin cấp giấy chứng nhận là 419,8 ha. Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã cấp được 295.794,9 ha, đạt 92,44% diện tích cần cấp theo quy định của pháp luật⁽¹⁴⁾. Công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý, ngăn chặn các hoạt động khoáng sản trái phép được thực hiện thường xuyên. Tập trung thực hiện công tác thanh tra theo Đề án 1675/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, lập hồ sơ xử lý các dự án chậm tiến độ, quản lý, sử dụng đất sai quy định, các trường hợp cho thuê, cho mượn trái phép, sử dụng không đúng mục đích, không lập hồ sơ thuê đất...

¹³ Cụ thể: 01 đô thị loại I: Thành phố Thái Nguyên là đô thị loại I. 02 đô thị loại III: Thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên. 01 đô thị loại IV: Thị trấn Hùng Sơn (huyện Đại Từ). 08 đô thị loại V gồm các thị trấn: Hương Sơn (huyện Phú Bình); Đu, Giang Tiên (huyện Phú Lương); Trại Cau, Sông Cầu (huyện Đồng Hỷ); Quân Chu (huyện Đại Từ); Chợ Chu (huyện Định Hóa); Đình Cả (huyện Võ Nhai)

¹⁴ Trong đó, diện tích đã cấp đổi với các tổ chức là 73.913,98 ha, đạt 88,06% diện tích cần cấp; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cấp được 221.880,92 ha, đạt 93,81 % diện tích cần cấp

trong năm đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 137 tổ chức, cá nhân, qua thanh tra đã yêu cầu 08 tổ chức, cá nhân nộp ngân sách nhà nước số tiền 2,2 tỷ đồng; thu hồi 10,3 ha đất, xử phạt vi phạm hành chính 41 tổ chức, cá nhân với số tiền trên 2,1 tỷ đồng.

2. Về lĩnh vực văn hóa xã hội

2.1. Hoạt động xã hội

Các chính sách hỗ trợ phát triển và an sinh xã hội được triển khai thực hiện trên địa bàn, nhất là giải quyết chế độ, chính sách cho người có công và thân nhân người có công theo quy định. Trước, trong và sau Tết Nguyên đán Kỷ Hợi, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương, các tổ chức đoàn thể của tỉnh triển khai nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân đảm bảo mọi nhà, mọi người đều được vui Tết, đón Xuân; toàn tỉnh đã tổ chức thăm và tặng 67.712 suất quà với tổng trị giá trên 40 tỷ đồng⁽¹⁵⁾. Tổ chức tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân dịp kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2019)⁽¹⁶⁾. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn II trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo tinh thần Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 và Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 của Chính phủ⁽¹⁷⁾, toàn tỉnh đã hỗ trợ xây mới và sửa chữa xong 7.965 hộ với tổng kinh phí hỗ trợ là 215 tỷ đồng (*số hộ không thực hiện, giảm đưa ra ngoài đề án là 838 hộ*). Triển khai thực hiện 24 dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí thực hiện 7,4 tỷ đồng... Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2019 ước còn 4,38% (*tương đương 14.378 hộ*), giảm 2,01% so với năm 2018, vượt chỉ tiêu kế hoạch⁽¹⁸⁾.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em: Ngành chức năng Tổ chức Lễ phát động tháng hành động vì trẻ em tỉnh Thái Nguyên với chủ đề “Chung tay vì trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số”; các địa phương, đơn vị tổ chức chương trình Vui Tết Trung thu năm 2019; phối hợp với doanh nghiệp khảo sát và hỗ trợ xây dựng mới nhà tình nghĩa cho 02 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, mỗi ngôi nhà trị giá 100 triệu đồng; tổ chức khám sàng lọc cho 111 trẻ em bị khuyết tật hệ vận động, chỉ định phẫu thuật 36 trẻ em; tổ chức triển khai Dự án “Cải thiện an toàn giao thông cho trẻ em khu vực trường học tại thành phố Thái Nguyên”; tổ chức khám sàng lọc cho trẻ em bị bệnh tim, nghi bị bệnh tim và có nhu cầu khám tim cho trẻ em của hai huyện Phú Lương, Đồng Hỷ; tổ chức khám sàng lọc và phẫu thuật miễn phí cho các đối tượng bị sỏi môi - hở hàm ếch...

¹⁵ Trong đó, hưởng ứng phong trào “*Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau*” và góp phần chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo trên địa bàn trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019, các cấp ủy đảng, chính quyền, các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh đã chủ động phối hợp với các thành phần kinh tế, doanh nghiệp, các tập thể, cá nhân vận động ủng hộ, hỗ trợ cho gần 30.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách tại 542 xóm, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền gần 28 tỷ đồng.

¹⁶ Thăm, tặng quà người có công, thân nhân người có công theo quyết định của Chủ tịch nước và chính sách của tỉnh Thái Nguyên với 44.689 suất quà tặng, trị giá 11.261 triệu đồng.

¹⁷ Tổng số hộ theo đề án được phê duyệt là 8.803.

¹⁸ Tỷ lệ hộ cận nghèo toàn tỉnh năm 2019 ước còn 6,54% (*tương đương 21.457 hộ*), giảm 2,25% so với cùng kỳ năm 2018.

2.2. Dân số, lao động việc làm

Lao động việc làm: Dự ước năm 2019 toàn tỉnh tạo việc làm tăng thêm cho 21,5 nghìn người, bằng 143,3% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 68,6%, vượt kế hoạch. Tổ chức Ngày hội việc làm, tổ chức các hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm, tư vấn học nghề, tuyên truyền chính sách pháp luật về lao động, việc làm, dạy nghề, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Tháng an toàn vệ sinh lao động năm 2019; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các thân nhân gia đình người lao động bị chết do tai nạn lao động...

Kết quả Tổng điều tra dân số thời điểm 1/4/2019: Tổng số dân của tỉnh Thái Nguyên tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 1.286.751 người. Trong đó, dân số nam là 629.197 người, chiếm 48,9%; dân số nữ là 657.554 người, chiếm 51,1%. Dân số thành thị là 410.159 người, chiếm 31,9% tổng dân số; dân số khu vực nông thôn là 876.592 người, chiếm 68,1%.

Như vậy, Thái Nguyên là tỉnh đông dân đứng thứ 27 toàn quốc về quy mô dân số. So với năm 2009, vị trí xếp hạng về quy mô dân số của Thái Nguyên trong cả nước tăng lên 6 bậc (từ xếp thứ 33 toàn quốc năm 2009 lên xếp thứ 27 năm 2019); xếp hạng về quy mô dân số so với các tỉnh trong vùng là không thay đổi, đứng thứ 3 các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc sau tỉnh Bắc Giang và Phú Thọ; dân số tỉnh Thái Nguyên chiếm 10,3% dân số trong vùng.

Cơ cấu dân số thành thị của tỉnh Thái Nguyên năm 2019 đứng thứ 18 so với cả nước, tăng 4 bậc so với năm 2009 (năm 2009 đứng thứ 22 cả nước) và đứng đầu trong số các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đứng thứ hai trong vùng Thủ đô (chỉ sau thành phố Hà Nội).

Kết quả Tổng điều tra cho thấy, sau 10 năm dân số của tỉnh Thái Nguyên tăng thêm 163.635 người (*bình quân mỗi năm tăng 16.363 người*); trong đó, tỷ lệ dân số khu vực thành thị tăng 6,3 điểm phần trăm, tương ứng tăng 123 nghìn người, bình quân mỗi năm tăng 12,3 nghìn người.

2.3. Về văn hoá, thể thao và du lịch:

Lĩnh vực văn hóa: Trong năm 2019, các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân, chào mừng các sự kiện chính trị, ngày lễ, kỷ niệm được tổ chức sôi nổi, rộng khắp từ tỉnh xuống cơ sở với nhiều hình thức phù hợp, thiết thực, an toàn, tiết kiệm; phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị được giao, tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh; góp phần đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức lối sống, truyền thống cách mạng cho các thế hệ nhất là thế hệ trẻ. Tiêu biểu là các hoạt động kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiếp tục triển khai nội dung tuyên truyền về di tích lịch sử Thanh niên xung phong Đại đội 915; phát động phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”, giai đoạn 2019-2025... Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, chung tay xây dựng Nông thôn mới được quan tâm chỉ đạo thực hiện, được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần, bảo vệ an ninh trật tự, đẩy lùi tệ nạn xã hội. Tham gia và đạt kết quả cao tại các

hoạt động nghệ thuật toàn quốc (*liên hoan sân khấu chèo đạt huy chương Bạc, hội thi tuyên truyền lưu động, kịch nói không chuyên đạt giải Nhì...*). Trình Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ về việc xin chủ trương bổ sung quy hoạch và đồng ý xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại trung tâm thành phố Thái Nguyên.

Lĩnh vực thể thao: Phong trào thể dục thể thao quần chúng được phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo người dân tham gia với phương châm mỗi người tự chọn cho mình một môn thể thao phù hợp, góp phần tích cực nâng cao thể chất phục vụ lao động, sản xuất, học tập, công tác. Thể thao thành tích cao tiếp tục đạt được nhiều kết quả đáng kể, tiếp tục khẳng định vị thế của tỉnh trung tâm vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Đạt 350 huy chương các loại (101 Huy chương Vàng⁽¹⁹⁾, 97 Huy chương Bạc, 152 Huy chương Đồng), giành 01 cờ Nhất, 02 cờ Nhì, 02 cờ Ba toàn đoàn, đội tuyển bóng đá nữ thi đấu giải cúp quốc gia xếp thứ 3 toàn quốc; là một trong 5 đơn vị xuất sắc nhất tại Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XI/2019; có 18 vận động viên kiện tướng, 39 vận động viên cấp I quốc gia, cung cấp 14 vận động viên cho đội tuyển quốc gia.

Lĩnh vực du lịch: Cùng với việc thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nước, công tác tuyên truyền, quảng bá về du lịch Thái Nguyên được quan tâm chú trọng với các hoạt động đạt được nhiều kết quả khả quan: Tham gia chương trình du lịch “Qua những miền di sản Việt Bắc” lần thứ XI/2019. Tổ chức khai mạc chương trình xúc tiến quảng bá du lịch, khai trương Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Thái Nguyên; Hội thi hướng dẫn viên du lịch Thái Nguyên, lần thứ nhất năm 2019; trưng bày các gian hàng giới thiệu sản phẩm, tiềm năng du lịch; giao lưu văn hóa trà và diễn xướng văn hóa phi vật thể; tạo điều kiện để các Hội, Chi hội Văn học, nghệ thuật, du lịch tổ chức thành công Đại hội cấp cơ sở. Tham gia nhiều chương trình hội thảo, hội chợ, Festival du lịch giới thiệu quảng bá và kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực du lịch.

Trong 10 tháng năm 2019, khách do cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh phục vụ ước đạt 707.535 lượt, tăng 5% so với cùng kỳ (*trong đó, khách quốc tế ước đạt 42.639 lượt*); khách du lịch đến các điểm tham quan ước đạt 1.302.106 lượt, tăng 10% so với cùng kỳ, khách do các công ty lữ hành phục vụ ước đạt 171.442 lượt, tăng 10% so với cùng kỳ. Doanh thu đạt khoảng 420 tỷ đồng.

2.4. Về y tế:

Công tác phòng chống dịch và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm được duy trì triển khai; từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra, không có người tử vong do dịch. Các hoạt động khám chữa bệnh, thực hiện quy chế chuyên môn tại các bệnh viện, trạm y tế được duy trì và quan tâm⁽²⁰⁾; cơ bản các đơn vị đã khắc phục tình trạng bệnh nhân phải nằm ghép;

¹⁹ Trong đó, có 12 Huy chương Vàng tại Giải Canoeing, cờ vua, vật tổ chức tại Hungary, Srilan, Thái Lan, đặc biệt là Vận động viên Nguyễn Thiên Ngân đạt 02 Huy chương Vàng tại Giải cờ vua nhanh và chớp nhoáng trẻ thế giới tại giải Salobrena - Tây Ban Nha.

²⁰ Tổng số lượt bệnh nhân đến khám, chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện tăng 1,6% so cùng kỳ; trong đó bệnh nhân điều trị nội trú tăng 1,2%, chiếm khoảng 16,2% tổng số bệnh nhân đến khám, chữa bệnh.

hoạt động khám chữa bệnh tại tuyến xã tiếp tục duy trì, đến nay đã có 170/180 xã, phường thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, đạt 96,1%. Ngành chức năng thực hiện thường xuyên công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực y tế. Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm được ngành chức năng duy trì triển khai đến từng địa phương; 10 tháng năm 2019 không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể xảy ra⁽²¹⁾.

Tình hình nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn: Tính đến 31/9/2019 số người nhiễm lũy tích là 10.321 người; trong đó chuyển giai đoạn AIDS lũy tích là 6.774 người; số tử vong do HIV/AIDS lũy tích là 3.516 người.

2.5. Về giáo dục, đào tạo:

Công tác giáo dục và đào tạo được triển khai thực hiện nghiêm túc theo khung kế hoạch thời gian đã được phê duyệt. Chỉ đạo tổng kết năm học 2018-2019 và khai giảng năm học mới 2019-2020; tổ chức thi và xét tốt nghiệp các cấp, nhất là tuyển sinh vào lớp 10 và kỳ thi THPT Quốc gia bảo đảm an toàn, đúng quy định. Tiếp tục phát triển mạng lưới trường lớp, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục; tập huấn bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, trang bị kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020 tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tính đến ngày 20/10/2019, toàn tỉnh có 560/680 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt tỷ lệ 82,35%, vượt 2,35% so với mục tiêu Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra). Trong đó: Mầm non có 187/237 trường đạt tỷ lệ 78,9 %; Tiểu học: 208/219 trường đạt tỷ lệ 94,98%; THCS có 145/191 trường đạt tỷ lệ 75,92%; THPT có 20/33 trường đạt tỷ lệ 60,61%.

2.6. Về hoạt động khoa học công nghệ, thông tin truyền thông

Ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đang triển khai thông qua các việc: Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; an toàn bức xạ hạt nhân, sở hữu trí tuệ, thông tin và thống kê khoa học và công nghệ. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Đại học Thái Nguyên đến năm 2020. Hoạt động hướng dẫn xác lập, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện hiệu quả và cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Chè Thái Nguyên” tại các nước trên thế giới.

Công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông được tăng cường trên cả 6 lĩnh vực: Bưu chính, Viễn thông, Ứng dụng Công nghệ thông tin, Công nghiệp ICT, An toàn, an ninh mạng và thông tin tuyên truyền. Hoạt động quản lý

²¹ Ngành chức năng đã thanh kiểm tra 7.640 cơ sở chế biến thực phẩm, trong đó có 6.020 cơ sở đạt tiêu chuẩn (chiếm 78,8%), có 1.620 cơ sở vi phạm (chiếm 21,2%), tổng số tiền nộp phạt là 335,17 triệu đồng.

báo chí, xuất bản, kịp thời tham mưu chỉ đạo giải quyết và trả lời các cơ quan báo chí theo quy định; định hướng tuyên truyền kịp thời và toàn diện các mặt đời sống xã hội, đặc biệt là những thành tựu kinh tế, những giá trị lịch sử, văn hóa, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, thúc đẩy đoàn kết tập hợp quần chúng, tạo đồng thuận trong xã hội, góp phần nâng cao dân trí, phát triển văn hóa và quảng bá hình ảnh Thái Nguyên. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh đến tất cả các cấp, các ngành trong tỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Công tác an toàn, an ninh mạng được chú trọng đã hạn chế tối đa các hoạt động tấn công mạng, mất an toàn thông tin; hệ thống thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước và phục vụ công tác phòng, chống lụt bão đảm bảo thông suốt, kịp thời; đảm bảo thông tin liên lạc trong các dịp lễ, Tết. Cấp, bàn giao chữ ký số cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn. Vận hành hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử hoạt động ổn định; Hệ thống Quản lý văn bản điều hành phục vụ hoạt động cho các Sở, Ban, ngành đảm bảo ổn định...

3. Về lĩnh vực nội chính

3.1. Công tác tổ chức, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền địa phương

Thực hiện đúng quy định về công tác tổ chức bộ máy, biên chế, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền địa phương, công tác cán bộ, công chức, viên chức và thi đua khen thưởng. Xem xét quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân theo quy định; kết quả chấm điểm của tỉnh năm 2018, Thái Nguyên đứng thứ nhất trong Cụm thi đua 7 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc và được tặng cờ thi đua của Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 09/3/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)²². Chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, tạo sự

²² Kết quả cụ thể như sau:

- 100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã xây dựng Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ (*hiện nay đang tạm dừng việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ*)

- Việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập để thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế, đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã giảm được 95 đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập (*do giải thể, sáp nhập, tổ chức lại*); chuyển 19 đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên.

Hiện nay UBND tỉnh đang xem xét, tiếp tục tổ chức lại, hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập theo Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh.

- Phê duyệt danh sách và kinh phí chi trả cho 504 đối tượng thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ (*không tính số người nghỉ tinh giản thuộc các cơ quan, tổ chức đảng, đoàn thể*).

- Phê duyệt cơ cấu vị trí việc làm cho 100% các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện; phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm đối với 20 Sở, Ban và 09 UBND cấp huyện; phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của các vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định.

chuyên biến mạnh mẽ trong hoạt động của bộ máy hành chính của tỉnh; công tác cải cách hành chính của tỉnh đã có chuyên biến tích cực theo hướng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, trách nhiệm, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân và xã hội, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (*kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2018, tỉnh Thái Nguyên đã vươn lên xếp thứ 18, tăng 12 bậc so với năm 2017*). Tham mưu xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính; ban hành kế hoạch khảo sát hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2020. Tổ chức Hội nghị Sơ kết công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm; phân tích, đánh giá chỉ số cải cách hành chính (PaIndex); chỉ số khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2018; triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số năm 2019 và những năm tiếp theo... Trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Đề án và ban hành Nghị quyết sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2021.

3.2. Về công tác tôn giáo, dân tộc

- *Công tác tôn giáo*: Các hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, tuân thủ theo quy định của pháp luật; công tác quản lý nhà nước về tôn giáo của các cấp chính quyền được quan tâm; nguyện vọng, nhu cầu chính đáng, hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo được giải quyết kịp thời⁽²³⁾; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người được đảm bảo, góp phần ổn định tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn tỉnh. Ngành chức năng đã chủ động phối hợp nắm chắc tình hình tôn giáo trên địa bàn, kiểm tra tình hình tổ chức các hoạt động tôn giáo trước, trong, sau dịp Tết Nguyên đán 2019, Lễ Phục sinh, Lễ Phật đản, Lễ hội hành hương Đức Mẹ La Vang năm 2019, An cư kiết hạ, Đại lễ Vu lan trên địa bàn tỉnh...; tổ chức đến thăm, tặng quà một số giáo xứ, giáo họ Công giáo, hội thánh, điểm nhóm Tin lành, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo một số cơ quan chức năng thực hiện thông tin, tuyên truyền Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc 2019 tại Việt Nam.

- *Công tác dân tộc*: Các chính sách dân tộc được quan tâm triển khai thực hiện, công tác chăm lo cho người có công với cách mạng, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa và đối tượng khó khăn được chú trọng và triển khai đầy đủ. UBND tỉnh đã sớm ban hành Quyết định giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019, Chính sách hỗ trợ muối i ốt,

²³ Giải quyết đề nghị của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh về việc tổ chức Đại lễ Phật đản ngoài trụ sở của Ban Trị sự; đề nghị của Ủy ban đoàn kết Công giáo Việt Nam tỉnh về hướng dẫn việc thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc; đề nghị của Tòa Giám mục Bắc Ninh bổ nhiệm linh mục Lê Thành Văn làm linh mục Chính xứ giáo xứ Đại Từ; đề nghị của điểm nhóm Tin lành Lời sự sống Thái Nguyên tổ chức lễ Ngũ tuần tại Khách sạn Đông Á Núi Cốc Resort, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên; đề nghị của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) về việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; đề nghị của Hội thánh Tin lành Thái Nguyên tổ chức Hội đồng hội thánh...

Đề án 2037...; Quyết định điều chỉnh danh sách, bổ sung người có uy tín giai đoạn 2018 - 2022. Chỉ đạo việc rà soát, xác định xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2019 theo Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát xác định xóm, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg đối với các xóm do sáp nhập, chia tách. Rà soát, thu thập, cung cấp số liệu xây dựng Đề án của Chính phủ về tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn. Triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 trên địa bàn tỉnh... Chỉ đạo các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ được giao, cơ bản đảm bảo kế hoạch.

Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên lần thứ III với 380 đại biểu tham dự Đại hội; đồng chí Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương đã về dự và chỉ đạo Đại hội. Qua đánh giá 5 năm, giai đoạn 2014-2019: Kết quả huy động nguồn lực đầu tư từ các chương trình, dự án, chính sách dân tộc trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi khoảng 6.000 tỷ đồng; dư nợ vốn vay tại ngân hàng chính sách xã hội trên 16.000 tỷ đồng⁽²⁴⁾. Kết quả nổi bật nhất là tỉnh đã có 12 xã ra khỏi diện đặc biệt khó khăn (tương ứng với 25%); huyện Võ Nhai đã đủ điều kiện ra khỏi diện hưởng chính sách như huyện nghèo. Toàn tỉnh có 61/114 xã vùng dân tộc thiểu số đã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 53,5%, cao hơn nhiều so với bình quân chung của cả nước đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Cơ bản xóa 76/76 xóm bản thiếu điện, “trắng điện” lưới quốc gia. Trong 5 năm qua đã có 4 đoàn cán bộ cấp cao của các nước: Myanmar; Lào; Thái Lan; Campuchia đến thăm, làm việc, trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác dân tộc tại tỉnh Thái Nguyên. Tại Đại hội, đã tổ chức trao, tặng các danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên⁽²⁵⁾.

3.3. Công tác đối ngoại

Công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh về triển khai đường lối, chủ trương, định hướng đối ngoại, lãnh sự và quy định về quản lý hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước thực hiện hiệu quả, đúng quy định. Tiếp tục củng cố, tăng cường và làm sâu sắc thêm các mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa tỉnh với các địa phương nước ngoài đã thiết lập quan hệ hợp tác (*tỉnh Luông Pha Băng - CHDCND Lào, tỉnh Gyeongsangbuk-do - Hàn Quốc*); chủ động kết nối, xúc tiến việc mở rộng

²⁴ Trong đó, điển hình là Chương trình 135 trên 676 tỷ đồng; chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế trên 1.000 tỷ đồng; chương trình cấp điện nông thôn 497 tỷ; chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn 760 tỷ đồng, Đường Hồ Chí Minh đoạn qua Thái Nguyên gần 1.000 tỷ đồng...

²⁵ Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên; Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 01 tập thể và 01 cá nhân; Ủy ban Dân tộc tặng Bằng khen cho 05 tập thể và 20 cá nhân; Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho 23 tập thể và 61 cá nhân.

quan hệ hợp tác với các địa phương nước ngoài khác (*thành phố Poitiers - Cộng hòa Pháp, tỉnh Lower Silesia - Cộng hòa Ba Lan...*). Đẩy mạnh công tác kinh tế đối ngoại thông qua các hoạt động gặp gỡ, xúc tiến giữa lãnh đạo cao cấp của tỉnh với các tập đoàn, công ty lớn trên thế giới; các chương trình đối thoại, hội nghị với các doanh nghiệp FDI; các hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư nhân dịp các đoàn công tác của tỉnh thăm, làm việc ở nước ngoài... Tích cực, chủ động triển khai thực hiện công tác văn hóa đối ngoại và thông tin đối ngoại (*các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao với tỉnh Gyeongsangbuk-do - Hàn Quốc...*). Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh và có hiệu quả (*Tổ chức thành công Chương trình Gặp mặt, chúc Tết người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân nước ngoài nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019*). Vấn đề an ninh đối ngoại của tỉnh luôn được đề cao. Công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào của tỉnh tuân thủ đúng theo các quy định của Trung ương và địa phương (*trong 10 tháng năm 2019, toàn tỉnh có 151 đoàn/360 lượt người đi nước ngoài; xem xét và quản lý 98 đoàn/1.106 lượt người vào thăm, làm việc với lãnh đạo tỉnh, các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh*). Tổ chức 08 đoàn công tác của lãnh đạo tỉnh thăm và làm việc tại các nước: Trung Quốc, CHDCND Lào, Pháp, Italia, Nga, Thụy Điển, Ba Lan, Đức... Tổ chức tốt công tác đón tiếp các đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc với lãnh đạo tỉnh: Đoàn lãnh đạo vùng Nam Ostrobothnia - Phần Lan; Đoàn lãnh đạo tỉnh Lower Silesia - Ba Lan; Đoàn lãnh đạo tỉnh Gyeongsangbuk-do - Hàn Quốc, Đoàn lãnh đạo tỉnh Luông Pha Băng - Lào, Đoàn công chức cao cấp nước Bắ ng la ết...

3.4. Công tác tiếp công dân, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo:

- Tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến tích cực, số lượt tiếp đoàn đông người giảm so với cùng kỳ năm trước, không xảy ra điểm nóng, vụ việc nổi cộm về khiếu nại, tố cáo. Phần lớn lượt tiếp các đoàn đông người có nội dung đề nghị, kiến nghị, phản ánh, các đoàn đông người có nội dung khiếu nại, tố cáo phát sinh không nhiều. Tuy nhiên, những tháng cuối năm, tình trạng công dân tập trung đông người tại các cơ quan nhà nước của tỉnh có chiều hướng tăng, một số vụ việc đã được các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật nhưng công dân chưa đồng thuận, tiếp tục khiếu nại, gửi đơn thư đi nhiều nơi, vượt cấp lên Trung ương. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền như sau:

Về khiếu nại: Đã giải quyết 69 vụ việc trong tổng số 83 vụ việc thuộc thẩm quyền, đạt 83,1%; số vụ việc khiếu nại đang giải quyết 14 vụ việc; số vụ việc tồn đọng chưa giải quyết 0 vụ việc.

Về tố cáo: Đã giải quyết 72 vụ việc trong tổng số 81 vụ việc thuộc thẩm quyền, đạt 88,9%; số vụ việc đang giải quyết 09 vụ việc, số vụ việc tồn đọng chưa giải quyết 0 vụ việc.

- Công tác tiếp công dân, tiếp nhận xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân được quan tâm thực hiện theo quy định. Tính từ ngày 16/12/2018 đến ngày 15/10/2019, tổng số lượt tiếp công dân của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh là 4.171 lượt người, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2018 (*số lượt đoàn đông người đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị là 45 lượt đoàn, giảm 02 lượt đoàn so với cùng kỳ năm 2018*). Các cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã tiếp nhận 3.015 đơn²⁶.

- Công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn liên quan. Công tác thanh tra được triển khai thực hiện theo kế hoạch, toàn ngành đã tiến hành 525 cuộc thanh tra, phát hiện 950 cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm, kiến nghị xử lý các hình thức về kinh tế trên 19,3 tỷ đồng.

3.5. Công tác quân sự

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng theo dõi nắm chắc tình hình, xử lý có hiệu quả các tình huống thiên tai xảy ra. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2019 đúng quy trình, dân chủ, công khai, đúng Luật Nghĩa vụ quân sự; các địa phương tổ chức Lễ giao, nhận quân nghiêm túc, chặt chẽ, giao quân đủ 100% chỉ tiêu, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Tổ chức sơ kết xây dựng nền quốc phòng toàn dân giai đoạn 2009-2019. Chỉ đạo tổ chức thành công diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Định Hóa; diễn tập khu vực phòng thủ huyện Võ Nhai và huyện Đông Hỷ. Triển khai thực hiện đúng lộ trình Đề án xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Đề án xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2016-2025.

3.6. Về công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

- *Tình hình an ninh trật tự*: Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cơ bản ổn định. Lực lượng an ninh đã tổ chức tăng cường xuống cơ sở, làm tốt công tác nắm bắt tình hình và triển khai các biện pháp công tác để chủ động có phương án đối phó, giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, không để xảy ra các tình huống phức tạp về an ninh chính trị, đặc biệt là hoạt động gây rối, chống phá về an ninh chính trị của các thế lực phản động... Tiếp tục triển khai các biện pháp đấu tranh, ngăn chặn hoạt động của các tà đạo, đạo lạ, các tổ chức tôn giáo tự xưng, tổ chức bất hợp pháp trên địa bàn. Công tác phòng cháy, chữa cháy được cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra và nhắc nhở nhằm hạn chế các vụ cháy nổ xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tính chung 10 tháng năm 2019, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên xảy ra 95 vụ cháy (*giảm 23 vụ so với cùng kỳ năm 2018*), làm 01 người bị thương, thiệt hại tài sản là 8,4 tỷ đồng

²⁶ Trong đó, có 135 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước (*kiếu nại 69 đơn; tố cáo 66 đơn*); số đơn thư kiến nghị, phản ánh và đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết 2.880 đơn.

- *An toàn giao thông*: Năm 2019, ngành chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Đặc biệt quan tâm đến các khu vực trường học và công nhân ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp tốt với các đơn vị, địa phương thực hiện đồng bộ hóa các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông. Trong 10 tháng năm 2019, trên địa bàn xảy ra 117 vụ tai nạn giao thông, làm 48 người bị chết và 98 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2018, số vụ tai nạn giảm 14 vụ (giảm 10,7%), số người chết giảm 04 người (-7,7%) và số người bị thương giảm 06 người (giảm 5,8%).

4. Một số kết quả nổi bật và khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

4.1. Một số kết quả nổi bật

Năm 2019, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đề ra trong các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, cải thiện môi trường đầu tư tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư. Từ hiệu ứng lan tỏa của Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Thái Nguyên năm 2018, nhiều nhà đầu tư đã đến nghiên cứu, đề xuất đầu tư các dự án tại tỉnh Thái Nguyên. Kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đạt được kết quả tích cực, một số chỉ tiêu chủ yếu đạt mức tăng khá so với cùng kỳ và cao hơn bình quân chung cả nước như: sản xuất ngành công nghiệp; tốc độ tăng giá trị xuất khẩu; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; giá cả thị trường nhìn chung ổn định, cung cầu hàng hóa được đảm bảo, đời sống dân cư ổn định và phát triển. Đây là kết quả của sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

4.2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả nổi bật như trên, kinh tế xã hội trên địa bàn đang có những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân như:

- Tình hình bệnh dịch tả lợn Châu Phi ảnh hưởng đến kết quả sản xuất nông nghiệp và khó khăn cho người chăn nuôi.

- Một số dự án, công trình trọng điểm còn vướng mắc về quy trình thủ tục đầu tư, chưa bảo đảm được nguồn vốn đối ứng cho dự án nên chậm triển khai thực hiện.

- Một số dự án đầu tư còn chậm tiến độ; nhu cầu vốn của ngân sách địa phương còn thiếu để đầu tư hoàn thành các chương trình, dự án theo quy định...

II. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian còn lại của năm 2019

1. Các Sở, Ban, ngành, địa phương tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ, có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đề ra; quyết tâm, phát huy tính năng động, sáng tạo phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2019. Tiến hành rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2019 và giai đoạn 2016-2020, làm rõ nguyên nhân, đề ra những giải pháp thiết thực, cụ thể để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Triển khai xây dựng kế hoạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 theo hướng dẫn của Trung ương bảo đảm phù hợp với đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; bám sát nội dung dự kiến trình Đại hội đảng bộ các cấp về mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt chỉ tiêu thu ngân sách đã đề ra; nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương những tháng cuối năm đúng quy định.

2. Thực hiện nghiêm Kết luận số 457-KL/TU ngày 22/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai các Dự án sau Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Thái Nguyên năm 2018 và Công văn số 4520/UBND-TH ngày 29/10/2019 của UBND tỉnh. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng điểm trên địa bàn; tích cực, chủ động trong quá trình hướng dẫn về hồ sơ thủ tục pháp lý, trình tự các bước triển khai dự án, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư được ký kết trong và sau Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2018. Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị theo kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm toán trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các dự án khu đô thị, khu dân cư. Quyết liệt chỉ đạo để bảo đảm hoàn thành các dự án được chọn là công trình chào mừng đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025. Tăng cường quản lý đất đai, xây dựng, công tác quản lý, bảo vệ môi trường và khoáng sản; tổng kết các chương trình, đề án, dự án, công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 bảo đảm tiến độ, chất lượng.

3. Chủ động tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh bằng nhiều hình thức, trong đó chú trọng tổ chức làm việc, đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư để bàn các giải pháp thúc đẩy sản xuất và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh. Tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong xuất khẩu địa phương; thúc đẩy hơn nữa sản xuất công nghiệp, đặc biệt là khối công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trong đó tập trung thúc đẩy tiêu thụ và sản xuất các sản phẩm công nghiệp chiếm tỷ trọng giá trị sản xuất lớn như: Điện thoại thông minh, máy tính bảng, sản phẩm xi măng, vonfram, đồng và sắt thép...

4. Phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện đề án “Nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Nguyên và vai trò của Samsung”, phân giao cụ thể cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh và các nhóm nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tái cơ cấu kinh tế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

5. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2019 theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 29/10/2019 *(về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019)*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và tiến độ các công trình, chống thất thoát, lãng phí nguồn lực của Nhà nước.

6. Tích cực chuẩn bị tốt các nội dung trình tại Kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ yêu cầu.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và công khai, minh bạch thông tin giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh đảm bảo hoàn thành *trước ngày 30/4/2020*. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tăng cường tổ chức đối thoại công khai với doanh nghiệp, người dân để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân và các dự án đầu tư trên địa bàn.

8. Triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục coi trọng và không ngừng nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời tiếp tục khẳng định việc xây dựng nông thôn mới có vị trí mang tầm chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh và của các địa phương trong tỉnh. Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế hộ, nâng quy mô và phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Huy động các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo, đôn đốc các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 thực hiện các nội dung bảo đảm thời gian, chất lượng theo kế hoạch. Thực hiện các giải pháp kiểm soát dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, đặc biệt là bệnh

Dịch tả lợn Châu Phi để hạn chế thấp nhất thiệt hại gây ra, ổn định sản xuất; đồng thời thực hiện công tác tái đàn hợp lý, tăng quy mô đàn gia cầm, thủy cầm, đại gia súc để tăng sản lượng, giá trị sản xuất chăn nuôi, đảm bảo nguồn cung thực phẩm trong những tháng cuối năm. Tăng cường các hoạt động rà soát, tập trung chỉ đạo tăng diện tích gieo trồng hàng năm đối với lúa, rau màu; thực hiện trồng thâm canh chè để tăng năng suất, giá trị sản phẩm chè. Đẩy mạnh phát triển vùng nuôi, trồng thủy sản thâm canh tập trung tại các hồ chứa và tại các ao gia đình gắn với bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, tiêu thụ lâm sản, thống kê đầy đủ, chính xác sản lượng gỗ khai thác trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, kịp thời khắc phục hậu quả mưa, lũ; làm tốt công tác dự báo, nắm tình hình, tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm để bổ sung các phương án, kế hoạch, biện pháp ứng phó với diễn biến bất thường của thời tiết, nhất là mưa lớn, lũ quét, sạt lở, ngập úng để bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân.

9. Triển khai đồng bộ các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội; các chính sách về an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững. Triển khai tốt nhiệm vụ năm học 2019-2020. Duy trì thực hiện tốt các chương trình mục tiêu về y tế; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; chủ động phòng, chống các dịch bệnh và công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”*. Bảo tồn, phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn; tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng gia đình, làng, xã, cơ quan, công sở văn hóa.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 15/11/2018 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về định hướng phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ngành giáo dục và các địa phương tiếp tục tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục tăng cường hướng dẫn, kiểm tra và có biện pháp xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ sở giáo dục để xảy ra lạm thu, thu ngoài học phí; bảo đảm an ninh, an toàn, vệ sinh trường học; chú ý xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương.

10. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện nghiêm Công ăn số 1351-CV/TU ngày 28/10/2019 của Tỉnh ủy Thái Nguyên và các quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp công dân, đối thoại,

giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chủ động theo dõi, nắm bắt dư luận, kịp thời xử lý những nội dung phản ánh của báo chí, các vấn đề dư luận quan tâm và nhân dân phản ánh; rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng theo quy định pháp luật, không để khiếu nại đông người, vượt cấp.

11. Thực hiện tốt nhiệm vụ công tác quốc phòng địa phương, nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chủ động nắm tình hình dân tộc, tôn giáo, hoạt động của các tổ chức bất hợp pháp để kịp thời có biện pháp xử lý, không để các đối tượng xấu lợi dụng lôi kéo, kích động gây mất an ninh trật tự trên địa bàn; phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm; kiên quyết không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh trật tự. Thực hiện tốt các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại, hợp tác hữu nghị với các địa phương trong nước và nước ngoài; xây dựng kế hoạch đối ngoại của tỉnh năm 2020.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

I. Nhận định tình hình về bối cảnh quốc tế và trong nước

Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, năm 2020, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới phục hồi chậm, nhiều rủi ro và thách thức như chủ nghĩa đa phương hóa, gia tăng cạnh tranh chiến lược. Các liên kết kinh tế khu vực và song phương tiếp tục được thúc đẩy, tuy nhiên liên kết kinh tế toàn cầu vẫn gặp nhiều khó khăn; cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài diễn ra ngày càng gay gắt. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung có thể tác động sâu rộng hơn tới tình hình kinh tế, chính trị, xã hội toàn cầu. Đổi mới sáng tạo và công nghệ là động lực mới và đóng vai trò quan trọng trong cạnh tranh chiến lược của nhiều quốc gia.

Trong nước, nền kinh tế đang khá ổn định, tăng trưởng đạt khá trong khi lạm phát trong tầm kiểm soát. Kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng, một số hiệp định FTA thế hệ mới quan trọng có tiêu chuẩn cao, toàn diện, cân bằng lợi ích đã và sẽ có hiệu lực mở ra cơ hội cho phát triển công nghiệp và mở rộng thị trường, đầu tư cho phát triển công nghiệp và thực hiện công nghiệp hóa. Uy tín và vị thế Quốc gia ngày càng được củng cố trên trường quốc tế. Tuy nhiên, nội tại nền kinh tế còn nhiều vấn đề như chất lượng tăng trưởng, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực cạnh tranh quốc gia cải thiện chưa nhiều; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu; năng lực khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế; thị trường các nhân tố đầu vào vận hành chưa hiệu quả... Tình hình biển Đông ngày càng phức tạp, diễn biến khó lường; biến đổi khí hậu ngày càng khó dự báo.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Phân đầu thực hiện hoàn thành toàn diện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã đề ra, trong đó trọng tâm là thực hiện hiệu quả, thực chất hơn các đột phá chiến lược, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; quyết liệt thực hiện các dự án, công trình trọng điểm; đổi mới đồng bộ giáo dục và đào tạo. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác thông tin truyền thông hiệu quả, tạo đồng thuận xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

a. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP): 7,3 %
Trong đó:
 - + Công nghiệp - xây dựng: 8%
 - + Dịch vụ: 7,6%
 - + Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 3%
- Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN: tăng 8%;
- Giá trị hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn: tăng 7%;
- GRDP bình quân đầu người: 90 triệu đồng/người/năm;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh: 15.555 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,5%;
- + Sản lượng lương thực có hạt đạt từ 438,3 nghìn tấn trở lên;
- + Giá trị sản phẩm/ha đất nông nghiệp trồng trọt đạt: 103 triệu đồng/ha;
- + Diện tích trồng rừng mới trên địa bàn (gồm cả trồng rừng thay thế): 1.647 ha;
- + Diện tích trồng chè mới và trồng lại: 700 ha;
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ 02 xã trở lên;

b. Các chỉ tiêu xã hội:

- Mức giảm tỷ suất sinh thô trong năm: 0,1‰;
- Tạo việc làm mới tăng thêm trong năm 15 nghìn lao động;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,25% trở lên so với năm 2019;
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 10%;
- Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: 97%
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 98,5%;
- Chỉ tiêu về văn hóa:
 - + Gia đình đạt chuẩn văn hóa 90%;
 - + Xóm, làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa 78%;
 - + Cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 90%.

c. Các chỉ tiêu về môi trường:

- Ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng trên 50%;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 95%;
- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh trên 78%;

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Trên cơ sở tiếp tục thực hiện các giải pháp để phát huy kết quả đã đạt được trong năm 2019 và những năm vừa qua, kịp thời khắc phục những hạn chế, yếu kém. Để thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu năm 2020, UBND tỉnh đề xuất một số giải pháp trọng tâm như sau:

3.1. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

- Triển khai Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nhằm tạo lập môi trường kinh doanh thân thiện, thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn; tạo thuận lợi nhất để hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo động lực, sự đột phá và thu hút các nguồn lực đầu tư vào tỉnh.

- Thực hiện chủ trương thu hút có chọn lọc các dự án; chú trọng kêu gọi, thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao; lựa chọn các dự án có quy mô lớn về du lịch, sinh thái, bảo vệ môi trường, đặc biệt các dự án đầu tư vào vùng Hồ Núi Cốc và sườn đông Tam Đảo; các dự án có tiềm lực tài chính, sản phẩm có tính cạnh tranh cao. Thu hút, phát triển các dự án phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững. Kiên quyết từ chối các dự án sử dụng lãng phí tài nguyên, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp những dự án có quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất.

- Tăng cường công tác hỗ trợ doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, nâng cao hiệu quả chất lượng phục vụ nhà đầu tư; giúp cho nhà đầu tư khai thác các dịch vụ hành chính công được thuận tiện, dễ dàng, nhanh chóng, tiết kiệm chi phí, giảm phiền hà cho nhà đầu tư.

- Tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư để nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân và các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

3.2. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các đột phá chiến lược; tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế

- Tổ chức quản lý có hiệu quả và thực hiện đúng các quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch đã xây dựng; Chỉ đạo các ngành lập các hợp phần quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh, làm căn cứ để xác định các mục tiêu, định hướng chiến lược của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thường xuyên rà soát, đề xuất điều chỉnh, xây dựng mới các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển. Hướng mạnh hơn nữa về thị trường nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng chính sách kích cầu, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng xuất khẩu, hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh tiếp cận thương mại điện tử, hình thành các tổ chức nghiên cứu thị trường....

- Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến tìm kiếm mở rộng thị trường trong và ngoài nước; khuyến khích đưa hàng Việt về nông thôn và các khu đô thị, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước.

- Chỉ đạo các ngành liên quan quản trị, vận hành sàn giao dịch thương mại điện tử để giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường, đẩy mạnh giao thương và thu hút đầu tư vào Thái Nguyên.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả, chất lượng hàng hoá và vệ sinh an toàn thực phẩm...kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi làm hàng giả, hàng không đảm bảo chất lượng, kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế, đầu cơ, găm hàng, thao túng thị trường, giá cả...

3.3. Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Bám sát phương châm hành động của Chính phủ, tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng làm rõ trách nhiệm, phân cấp, đi sâu sát về cơ sở; nâng cao chất lượng tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa chính quyền với nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động trong giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và những vấn đề mới phát sinh trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ sở.

Quyết tâm thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; tập trung huy động mọi nguồn lực phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2020 và cả giai đoạn 2015-2020.

3.4. Thực hiện một số giải pháp đối với sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Các ngành, các cấp phối hợp chặt chẽ, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, phổ biến và thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, các cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn của Trung ương và của tỉnh; đẩy mạnh liên kết, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất; quảng bá, xúc tiến thương mại hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; bố trí nguồn lực để đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh; đặc biệt là chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh thu hút, tạo điều kiện thuận lợi và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu trong nội ngành nông nghiệp, có giải pháp để duy trì tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ trong nông nghiệp; triển khai, thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình, dự án phát triển các sản phẩm có lợi thế, thế mạnh, sản phẩm chủ lực của tỉnh, có thị trường tiêu thụ, phát triển sản xuất với quy mô hợp lý, bền vững, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với triển khai Đề án “mỗi xã một sản phẩm”; thu hút đầu tư để đưa vào hoạt động hiệu quả Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với diện tích 154,36 ha, tại xã Tiên Phong, thị xã Phả Yên.

- Chuyển dịch cơ cấu vật nuôi theo hướng đảm bảo an toàn dịch bệnh, tăng giá trị sản xuất hàng hoá, phát triển theo vùng, gắn với tổ chức giết mổ tập trung, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, gắn với hình thành các liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế trang trại, gia trại. Tăng cường gắn kết 4 nhà trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi, chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm và gia súc lớn, tạo sản phẩm an toàn; thực hiện các giải pháp kiểm soát dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, đặc biệt là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi để hạn chế thấp nhất thiệt hại gây ra, ổn định sản xuất; đồng thời thực hiện công tác tái đàn hợp lý, tăng quy mô đàn gia cầm, thủy cầm, đại gia súc để tăng sản lượng, giá trị sản xuất chăn nuôi, đảm bảo nguồn cung thực phẩm.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động bố trí ngân sách đối ứng để thực hiện các nội dung Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định, trong đó huy động, tập trung lồng ghép, phân bổ và sử

dụng có hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn, các xã đăng ký về đích nông thôn mới, các xã nông thôn mới kiểu mẫu, đảm bảo chất lượng thi công các công trình, xử lý dứt điểm nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

- Cân đối, bố trí nguồn lực của tỉnh hỗ trợ huyện Phú Bình phấn đấu thêm 02 xã (*xã Bàn Đạt và xã Tân Thành*) đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đến tháng 6/2020 có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3.5. Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

- Tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

- Tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị”, chung sức xây dựng Nông thôn mới; phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”, giai đoạn 2019-2025.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Festival trà Thái Nguyên lần thứ tư năm 2020. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch nhằm tạo tiềm lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 17/5/2012 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng nhằm tạo bước phát triển thể dục thể thao Thái Nguyên đến năm 2020. Tiếp tục xây dựng các thiết chế văn hóa gắn thể thao nhằm đáp ứng, nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi giải trí, tăng cường sức khỏe cho nhân dân.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về định hướng phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030. Đăng cai tổ chức chương trình du lịch “Qua những miền di sản Việt Bắc lần thứ XII/2020”. Xây dựng Đề án phát triển du lịch Thái Nguyên giai đoạn 2020-2025; xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù (du lịch lịch sử, sinh thái trải nghiệm vùng chè...), chủ động kết nối các doanh nghiệp lữ hành thu hút khách du lịch đến với Thái Nguyên. Tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch của tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ và chi trả kịp thời, đúng, đủ trợ cấp ưu đãi cho đối tượng Người có công với cách mạng theo quy định. Thực hiện tốt các chính sách đối với thương binh liệt sỹ và người có công; quan tâm cải tạo, nâng cấp

các nghĩa trang liệt sỹ, các đài tưởng niệm, các nhà bia ghi tên bằng nhiều nguồn vốn khác nhau.

- Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, điều trị tốt các đối tượng xã hội tại các trung tâm. Chi trả kịp thời trợ cấp thường xuyên và cứu trợ đột xuất cho đối tượng thuộc diện chính sách xã hội ở cộng đồng. Triển khai các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; lồng ghép vấn đề giới vào việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp, số lao động qua đào tạo ngày một tăng lên, ra trường phải có việc làm, có thu nhập, tập trung vào ngành nghề xã hội đang cần, kết nối cung và cầu hợp lý, nâng cao chất lượng Hội chợ việc làm.

- Tích cực triển khai hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh, tăng cường bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, yếu thế trong xã hội...

- Từng bước khắc phục, hoàn thiện và nâng cao chính sách khám chữa bệnh, giảm quá tải ở các bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chất lượng dịch vụ ở các tuyến, tăng cường học tập, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới, tăng sự hài lòng của người dân trong công tác khám và điều trị bệnh. Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân...

- Nâng cao chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, thực hiện nghiêm kỷ cương nề nếp trong trường học, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và thực hiện tốt vệ sinh trường học.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa, giáo dục phổ thông mới. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học đẩy nhanh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài. Tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, tăng số lượng các chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, chuyển giao công nghệ, liên kết đào tạo.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ; nâng cao hiệu quả mọi mặt của hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ, gắn bó chặt chẽ với sản xuất và đời sống; góp phần quan trọng tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình: các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ giữa UBND tỉnh và Đại học Thái Nguyên; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo

kết luận của Bộ Khoa học và Công nghệ... Tiếp tục thực hiện việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể “*Chè Thái Nguyên*” tại Nga, Nhật Bản và Hàn Quốc...

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc. Chủ động nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc tại cơ sở. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, tôn vinh, biểu dương các cá nhân tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3.6. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường giai đoạn 2017-2020, trong đó tập trung các nhiệm vụ trọng tâm như: Tập trung giải quyết các vấn đề về rác thải; xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường; đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp; khắc phục ô nhiễm môi trường xung quanh các cơ sở sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản, khu dân cư, đô thị; bảo vệ đa dạng sinh học, cảnh quan sinh thái lưu vực sông Cầu, bảo vệ và cải thiện môi trường nông nghiệp nông thôn ...

- Thực hiện tổng kết 03 năm thực hiện đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020”. Xây dựng đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025”.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Tăng cường hoạt động truyền thông môi trường, nâng cao nhận thức cho các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường. Nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường hiệu quả, nhất là các mô hình về quản lý rác thải, chất thải chăn nuôi. Thường xuyên cập nhật, phổ biến, triển khai kịp thời các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo thực hiện tốt việc thẩm định đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định pháp luật. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình nhiệm vụ theo Kế hoạch hành động đa dạng sinh học, các dự án hỗ trợ tiêu trí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

3.7. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính; tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế; thực hiện các giải pháp siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí

- Tiếp tục thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục cải cách hành chính, đảm bảo công khai và giải quyết nhanh gọn các thủ tục liên quan đến cấp phép, cấp đất cho các nhà đầu tư... duy trì và làm tốt các công việc ở bộ phận một cửa, một cửa liên thông của tỉnh; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, thống nhất vì sự phát triển chung.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật về công tác tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo, trong đó trọng tâm giải quyết các vụ việc khiếu nại tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài theo Kế hoạch số 363/KH-TTCTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ; thực hiện thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; rà soát, đôn đốc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

- Nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, tập trung vào việc phát hiện, chấn chỉnh, kiến nghị sửa đổi bất cập trong công tác quản lý nhà nước và xử lý kịp thời các vi phạm; thực hiện thanh tra đột xuất để xử lý ngay những vụ việc có phản ánh từ tổ chức, công dân gửi đến các cơ quan chức năng. Tăng cường theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra; kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, công khai minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ công chức theo quy định; tiếp tục củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức thanh tra trong sạch, vững mạnh, phòng chống tham nhũng, lãng phí trong lực lượng cán bộ, công chức thanh tra theo Chỉ thị số 769/CT-TTCTP ngày 17/5/2019 của Tổng thanh tra Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành thanh tra.

3.8. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác củng cố

quốc phòng và an ninh, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng phản động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại, hợp tác hữu nghị với các địa phương trong nước và nước ngoài. Tích cực, chủ động thúc đẩy mở rộng, thiết lập quan hệ hợp tác giữa tỉnh Thái Nguyên với tỉnh Lower Silesia - Cộng hòa Ba Lan và thành phố Poitiers - Cộng hòa Pháp; tăng cường kết nối, tìm hiểu cơ hội thiết lập quan hệ hợp tác mới giữa tỉnh Thái Nguyên với địa phương nước ngoài của các nước: Nhật Bản, Liên bang Nga, Thái Lan có nét tương đồng với tỉnh; thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế giữa các cơ quan, địa phương của tỉnh với các đối tác nước ngoài.. Tổ chức tốt công tác đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh và tổ chức hiệu quả các đoàn của lãnh đạo tỉnh đi công tác nước ngoài.

3.9. Làm tốt hơn nữa công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, định hướng báo chí, tuyên truyền tạo sự đồng thuận trong xã hội; tăng cường và chủ động cung cấp thông tin chính thống, chính xác, nhanh chóng, kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội, các chủ trương, cơ chế, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt.

- Tăng cường kỷ luật phát ngôn; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, có phương án ứng phó, khắc phục kịp thời sự cố mất an toàn thông tin, an ninh mạng; đấu tranh, phản bác thông tin sai sự thật, trái với quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước.

- Đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 tích hợp trên cổng dịch vụ công của tỉnh và quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện việc gửi/nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (*không phân biệt cấp độ hành chính*). Thực hiện tốt việc tổng hợp kết quả xử lý công việc, hồ sơ của các cơ quan, đơn vị trên hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử và các dịch vụ công trực tuyến làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, địa phương.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- BTL Quân khu 1;
- TT: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh TN;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- Các Huyện ủy, Thành ủy và Thị ủy;
- HĐND&UBND các huyện, TP, TX;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Các Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, TH(5b).

BC.15/50b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Trịnh Việt Hùng

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019 - KẾ HOẠCH NĂM 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQ ĐH XIX	Năm 2018	KH 2019	Ước TH 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH 2019 so với KH đề ra (%)	KH 2020 so với TH năm 2019 (%)	Ước tăng bình quân 5 năm 2016-2020 (%)	Khả năng thực hiện so với mục tiêu NQ Đại hội
1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	10	10,44	9,0	9,0	7,3	100	-	11,1	Vượt
2. Cơ cấu kinh tế		100								
- Công nghiệp – xây dựng	“	53	57,2		58,0	59				Vượt
- Dịch vụ	“	36	31,9		31,7	31				khó đạt
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	“	11	10,9		10,3	10				Vượt
3. GRDP bình quân đầu người	Tr đ	86	77,7	83,0	83,5	90,0	100,6	107,8	11,9	Vượt
4. Giá trị SX công nghiệp (Giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	788.649	667.253	743.800	743.800	803.300	100	108,0	16,3	Vượt
- Công nghiệp Trung ương	“		21.397	18.062	22.940	24.625	127,1	107,3	12,2	
- Công nghiệp địa phương	“		27.208	28.392	30.030	32.583	105,8	108,5	15,7	
- Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		618.647	697.346	690.820	746.086	99,1	108,0	16,5	
Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp	%	15	12,9	11	11,5	8,0			16,3	Vượt
4. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn	Tr.USD	17.602	24.835	27.570	27.636	29.500	100,0	107,0	13,1	Vượt
- Xuất khẩu địa phương	“	<i>679</i>	<i>421,5</i>	<i>600</i>	<i>558,8</i>	<i>680</i>	100,0	113,3	19,7	Phải phấn đấu
5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	-	15.023	15.000	15.000	15.555	100,0	103,7	16	Đạt

Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQ DH XIX	Năm 2018	KH 2019	Ước TH 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH 2019 so với KH đề ra (%)	KH 2020 so với TH năm 2019 (%)	Ước tăng bình quân 5 năm 2016-2020 (%)	Khả năng thực hiện so với mục tiêu NQ Đại hội
Thu ngân sách nhà nước trong cân đối (loại trừ thu tiền sử dụng đất)		12.896	12.464,2	13.452	13.200	13.775	100,0	104,35	16,3	Vượt
6. Các chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản										
- Tốc độ tăng GTSX ngành NLN- TS (giá SS 2010)	%	4	4,11	4,0	4,0	3,5	100	-	4,5	Vượt
- Giá trị SP/ha đất trồng trọt	Tr.đ		96,2	98	100	103	102	103		
- Sản lượng lương thực có hạt	1000 tấn		466,3	436,8	462,8	438,3	106	94,7		
- Diện tích rừng mới tập trung	ha		5.946		5.322					
+ Địa phương trồng	ha		3.164	2.550	2.554	1.647	100,2	64,5		
- Diện tích chè trồng mới và trồng lại	ha		1.037	750	943	700	125,7	74,2		
- Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	>50	>50	>50	>50	>50				Đạt
- Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	95	91,01	93	93	95	100	102,2		Đạt
7. Nhóm chỉ tiêu xã hội										
- Giảm tỷ suất sinh thô bình quân trong năm	‰	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	100	100		
- Tạo việc làm mới tăng thêm	Lao động	75.000	23.348	15.000	21.500	15.000	143,3	69,8	20.872	Đạt, về trước KH 1 năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQ DH XIX	Năm 2018	KH 2019	Ước TH 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH 2019 so với KH đề ra (%)	KH 2020 so với TH năm 2019 (%)	Ước tăng bình quân 5 năm 2016-2020 (%)	Khả năng thực hiện so với mục tiêu NQ Đại hội
+ Trong đó xuất khẩu lao động	Lao động	-	1.204	1.000	1.050	1.000	105,0	95,2	1.188	Vượt
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm	%	>2%	2,26	1,8	2,01	1,25			2,05	Vượt
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	<10	11,9	11,5	10,6	<10				Đạt
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70	65,18	68	68,6	70				Đạt
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	98,5	95,5	98,2	98,2	98,5				Đạt
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	80	92,2	96	96,1	97				Vượt, về trước KH
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	70	61,5	70,6	70,6	72,0				Vượt KH, về trước 01 năm
- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	90 % trở lên	85	90	>89	90				Đạt KH
- Tỷ lệ xóm, làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa	%	65	70	70	>70	78				Đạt KH
- Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	90% trở lên	90	90	>90	90				Đạt KH